

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG

**KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG CHO VAY TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
NGŨ HÀNH SƠN**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 1: TS. Đặng Tùng Lâm

Phản biện 2: GS. TS. Dương Thị Bình Minh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 01 năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển bền vững và lớn mạnh là mục tiêu của bất cứ một ngân hàng thương mại nào không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Nếu việc mở rộng quy mô kinh doanh đã là mục tiêu khó khăn, thì việc giữ vững sự ổn định, độ an toàn trong kinh doanh lại là mục tiêu khó khăn hơn. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay khi mà sự cạnh tranh đang ngày càng gay gắt và khốc liệt giữa các ngân hàng. Điều này đòi hỏi các ngân hàng đều phải hết sức cẩn trọng, kiểm soát được mức độ rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh từ đó có thể đạt mục tiêu cao hơn là tăng lợi nhuận và phát triển trong tương lai.

Như chúng ta đã biết tín dụng được xem là hoạt động chủ đạo, đóng góp đáng kể vào việc mang lại kết quả kinh doanh của ngân hàng. Tuy nhiên hoạt động này cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Rủi ro trong hoạt động tín dụng nói chung và rủi ro trong cho vay nói riêng được biết đến như một đặc thù, một yếu tố tất yếu khách quan trong kinh doanh tiền tệ ngân hàng.

Vì thế, rủi ro tín dụng trong cho vay đã trở thành mối quan tâm lớn đối với các ngân hàng thương mại không nằm ngoài mục đích là nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động của rủi ro đến cho vay, giúp cho ngân hàng đảm bảo phạm vi rủi ro tín dụng trong cho vay có thể chấp nhận được, hỗ trợ việc phân bổ vốn hiệu quả hơn trong cho vay, giảm thiểu các thiệt hại phát sinh từ rủi ro tín dụng trong cho vay và tăng thêm lợi nhuận kinh doanh của ngân hàng. Khi đã có nguồn lực đủ mạnh các ngân hàng sẽ nâng cao được uy tín, vị thế và vươn xa hơn để tiếp tục hòa nhập với thế giới, đón nhận

những cơ hội đầu tư mới thử thách mới từ các nước bạn.

Chính vì những lý do này nên học viên đã chọn đề tài “Kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh NHTMCP Công thương Ngũ Hành Sơn” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá thực trạng kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn.

- Đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm tăng cường kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn thời gian tới.

*** Câu hỏi nghiên cứu**

- Nội dung của công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay bao gồm những vấn đề gì?

- Thực trạng công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh Vietinbank Ngũ hành Sơn? Chi nhánh đã đạt được những kết quả gì, còn những hạn chế gì, và nguyên nhân?

- Chi nhánh cần áp dụng những giải pháp gì để hoàn thiện công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là lý luận, thực tiễn công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn.

b. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu hai trong bốn nội dung của quy trình quản trị rủi ro tín dụng đối với cho vay là: Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Theo đó sẽ đi vào phân tích thực trạng công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay của Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn từ năm 2011 đến 2013 từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp lịch sử, kết hợp phương pháp thống kê, mô tả, phân tích, so sánh kết quả thực hiện qua các thời kỳ để làm sáng tỏ chủ đề và mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

*** Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, luận văn đã góp phần hệ thống những vấn đề lý luận về công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay của ngân hàng thương mại. Tiếp theo, đề tài nghiên cứu thực trạng công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro trong cho vay tại Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn, những thành quả và những tồn tại, tìm ra những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra những giải pháp thiết thực góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát và tài trợ rủi ro trong cho vay tại Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn.

5. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của luận văn được trình bày gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng về kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh NHTMCP Công thương Ngũ Hành Sơn.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh NHTMCP Công thương Ngũ Hành Sơn.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đề tài “Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng” năm 2013, Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của tác giả Đào Thị Thanh Thủy, đại học Đà Nẵng.

Đề tài “Kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), chi nhánh Đà Nẵng” năm 2013, Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của tác giả Nguyễn Bá Phương, đại học Đà Nẵng.

Đề tài “Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng” năm 2013, Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của tác giả Lê Viết Mười, đại học Đà Nẵng.

Đề tài “Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội” năm 2012, Luận văn Thạc sĩ ngành Tài chính ngân hàng của tác giả Nguyễn Mạnh Phát, đại học Kinh Tế - đại học Quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG 1

CỔ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY NHTM

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của rủi ro tín dụng

a. Khái niệm rủi ro tín dụng

b. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng mang tính gián tiếp

- Rủi ro tín dụng có tính chất đa dạng và phức tạp
- Rủi ro tín dụng có tính tất yếu.

1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng

Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro

Căn cứ vào tính chất rủi ro

Căn cứ vào phương diện quản lý và giám sát của ngân hàng.

1.1.3. Hậu quả của rủi ro tín dụng

a. Đối với hoạt động của ngân hàng thương mại

b. Đối với khách hàng

c. Đối với nền kinh tế

1.1.4. Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay

a. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng: Là quá trình ngân hàng vận dụng các phương pháp, công cụ phù hợp nhằm nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng nhằm đạt được mục tiêu hạn chế tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra trong giới hạn tự định.

b. Nội dung của quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay: Gồm nhận dạng rủi ro tín dụng, đo lường rủi ro tín dụng, kiểm soát rủi ro tín dụng, và tài trợ rủi ro tín dụng.

1.2. KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY

1.2.1. Khái niệm kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay

a. Kiểm soát rủi ro tín dụng

a1. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng: là quá trình ngân hàng sử dụng các công cụ, biện pháp nhằm để giảm thiểu khả năng rủi ro xảy ra, cũng như hạn chế tối đa thiệt hại một khi RRTD trong cho vay xảy ra.

a2. Đặc điểm của kiểm soát rủi ro tín dụng

b. Tài trợ rủi ro tín dụng

a1. Khái niệm tài trợ rủi ro tín dụng: là việc ngân hàng sử dụng các nguồn tài chính bên trong và bên ngoài một cách chủ động để bù đắp cho những tổn thất đã xảy ra trong cho vay.

a2. Đặc điểm của tài trợ rủi ro tín dụng

1.2.2. Nội dung của kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay

a. Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay

a1. Né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay: Từ chối khoản vay đối với các khách hàng không đáp ứng được các điều kiện vay vốn; lựa chọn khách hàng trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ; lựa chọn cơ hội cho vay qua kết quả thẩm định khách hàng.

a2. Ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay: Phân quyền phán quyết tín dụng; áp dụng hình thức, quy trình cho vay và thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay

a3. Giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay: Áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay; giảm hạn mức cho vay, tạm dừng và chấm dứt cho vay; hạn chế tổn thất bằng việc áp dụng các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ

a4. Phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay: Cho vay với nhiều đối tượng khách hàng; cho vay đồng tài trợ; xác định giới hạn cho vay.

a5. Trung hòa rủi ro tín dụng trong cho vay: Sử dụng các công cụ như quyền chọn tín dụng, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng tương lai.

a6. Chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay: Mua bảo hiểm; thực hiện bán nợ xấu; thực hiện chứng khoán hóa nợ xấu.

a7. Tự tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay: Ngân hàng tự tài

trợ cho RRTD qua hình thức trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

b. Tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay

b1. Nguồn từ bên trong ngân hàng: Từ quỹ dự phòng rủi ro đã trích hoặc bù đắp bằng lợi nhuận của ngân hàng.

b2. Nguồn từ bên ngoài ngân hàng: Nguồn bên ngoài để tài trợ rủi ro là từ việc lên phương án thu hồi nợ xấu; từ xử lý tài sản bảo đảm tiền vay; từ thanh lý doanh nghiệp; từ nguồn đền bù của nhà kinh doanh rủi ro, bảo hiểm.

c. Các biện pháp khác liên quan đến kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay

c1. Nhân sự

c2. Tổ chức và khai thác nguồn thông tin tín dụng

c3. Công nghệ thông tin

1.2.3. Kiểm soát tuân thủ trong cho vay

Kiểm soát tuân thủ tại các ngân hàng nhằm mục đích kiểm soát lại các hồ sơ, chứng từ giao dịch nhằm đảm bảo các giao dịch, các hoạt động liên quan đến cho vay của ngân hàng là hợp lý, tuân thủ đúng các quy trình, quy định của ngân hàng nói riêng và của NHNN nói chung.

1.2.4. Tiêu chí đánh giá kết quả kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng

a. Cơ cấu nhóm nợ theo mức độ rủi ro

Nợ vay được phân thành 5 nhóm nợ. Trong đó tỷ trọng nợ nhóm 1 càng cao, các nhóm nợ còn lại thấp cho thấy rủi ro càng thấp và ngược lại.

b. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ càng cao thì chất lượng tín dụng càng kém và ngược lại.

c. Nợ xấu phát sinh tăng, nợ xấu phát sinh giảm trong kỳ

Nợ xấu phát sinh tăng trong kỳ cho thấy ngân hàng chưa kiểm soát tốt chất lượng nợ trong kỳ, còn để phát sinh nhiều nợ xấu.

Nợ xấu phát sinh giảm trong kỳ do các nguyên nhân từ khách hàng, hay nguyên nhân từ nỗ lực trong công tác kiểm soát và tài trợ RRTD của ngân hàng.

d. Tỷ lệ dự phòng xử lý rủi ro trên tổng dư nợ

Tỷ lệ trích lập DPRR cụ thể càng cao chứng tỏ chất lượng tín dụng của ngân hàng không tốt và rủi ro có thể gặp phải rất cao.

$$\text{Tỷ lệ số dư DPXLR} = \frac{\text{Số dư DPXLR} \text{ cụ thể}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

e. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trên tổng dư nợ

Tỷ lệ nợ xóa rỗng càng cao cho thấy công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng càng hạn chế.

$$\text{Xóa nợ rỗng} = \text{Dư nợ xóa} - \text{Số tiền đã thu hồi}$$

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong kỳ} = \frac{\text{Nợ xóa rỗng trong kỳ}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Tất cả các chỉ tiêu đưa ra sẽ được so sánh với mục tiêu, kế hoạch mà ngân hàng đã đặt ra từ đầu năm

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng

- ❖ Nhóm nhân tố bên trong ngân hàng
- ❖ Nhóm nhân tố bên ngoài ngân hàng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG NGŨ HÀNH SƠN

2.1. GIỚI THIỆU CHI NHÁNH VIETINBANK NGŨ HÀNH SƠN

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

2.1.3. Cơ cấu tổ chức

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh

a. Huy động vốn

b. Hoạt động cho vay

c. Kết quả tài chính

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI CHI NHÁNH VIETINBANK NGŨ HÀNH SƠN

2.2.1. Bối cảnh kinh tế bên ngoài và tình hình bên trong của Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn.

2.2.2. Cơ cấu khách hàng vay tại Chi nhánh

Tại Chi nhánh cơ cấu đối tượng khách hàng vay không đồng đều. Tỷ trọng cho vay tập trung ở một số khách hàng lớn.

2.2.3. Mục tiêu của kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng tại Chi nhánh

Trong năm 2013, Vietinbank giao chỉ tiêu không chế tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Giao cụ thể chỉ tiêu thu nợ đã xử lý rủi ro là 900 triệu đồng, và mức tăng trưởng lợi nhuận đạt 10%.

2.2.4. Tổ chức bộ máy quản lý đối với kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng

2.2.5. Các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay đã và đang triển khai tại Chi nhánh

a. Kiểm soát rủi ro tín dụng

a1. Kiểm soát bằng biện pháp né tránh rủi ro

- Né tránh rủi ro bằng việc quy định điều kiện cấp tín dụng làm cơ sở từ chối khoản vay; hay lựa chọn khách hàng trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ; và lựa chọn cơ hội cho vay qua kết quả thẩm định khách hàng.

Nhìn chung, việc né tránh rủi ro trong cho vay được thực hiện qua các tiêu chí được Vietinbank quy định rõ ràng. Tuy nhiên, việc XHTDNB cũng như công tác thẩm định khách hàng còn nhiều bất cập như thông tin đầu vào chưa chính xác; công tác đánh giá đột xuất chưa tốt; hồ sơ thẩm định tại chính phòng khách hàng nên thiếu tính khách quan cũng là một trong những khó khăn cho việc sàng lọc khách hàng.

a2. Kiểm soát bằng biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro

- Chi nhánh đã thực hiện các biện pháp như phân quyền phán quyết tín dụng nhằm phát huy tối đa vai trò quản lý theo ngành dọc.

- Xây dựng và thực thi quy trình cho vay chặt chẽ trong đó công tác kiểm tra giám sát trước, trong và sau khi cho vay luôn lồng ghép song song với quy trình.

- Các biện pháp bảo đảm tiền vay tại Chi nhánh được thực hiện khá an toàn, giá trị định giá tương đối tốt.

- Các điều khoản trong nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay tại Chi nhánh hầu như được soạn sẵn. Tuy nhiên CBTD còn lơ là trong việc chính sửa các thông tin cần thiết, quan trọng

- Công tác cơ cấu lại nợ cũng được thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của Vietinbank.

a3. Kiểm soát bằng biện pháp phân tán rủi ro

- Việc phân tán rủi ro qua đa dạng hóa danh mục cho vay theo ngành nghề, khu vực địa lý tại Chi nhánh chưa thực hiện tốt.

- Chi nhánh thực hiện cho vay đồng tài trợ đối với dự án của Công ty CP Cao Su Đà Nẵng nhằm chia sẻ rủi ro.

- Chi nhánh cũng tiến hành tính toán, rà soát giới hạn tín dụng của khách hàng nhằm đánh giá lại chính xác giới hạn tín dụng phù hợp với kế hoạch kinh doanh của khách hàng.

a4. Kiểm soát bằng chuyển giao rủi ro tín dụng

- Chi nhánh thực hiện chuyển giao RRTD qua hình thức bảo hiểm tín dụng. Tuy nhiên dư nợ mua bảo hiểm vật chất cho TSBĐ bằng tài sản là phương tiện vận tải đạt rất thấp, dư nợ mua bảo hiểm cho đối tượng vay vốn thì chưa phát sinh nhiều.

a5. Kiểm soát bằng biện pháp tự tài trợ

b. Tài trợ rủi ro tín dụng

b1. Tài trợ từ bên trong: Tại Chi nhánh trong năm 2012 và 2013 nguồn dự phòng sử dụng hoàn toàn từ nguồn dự phòng cụ thể mà chưa sử dụng đến nguồn dự phòng chung.

b2. Tài trợ từ bên ngoài

- Nguồn tài trợ rủi ro từ việc lên phương án thu hồi nợ xấu. Việc thu hồi nợ xấu được thực hiện bởi CBTD cho vay có sự phối hợp của lãnh đạo phòng. Các biện pháp áp dụng là: Thương lượng với khách hàng để thu nợ từ từ; cho khách hàng thêm thời gian để tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh; yêu cầu khách hàng bán bớt TSCĐ không cần thiết, hàng tồn kho để trả bớt nợ; và cuối cùng là khởi kiện.

- Nguồn tài trợ rủi ro từ xử lý tài sản bảo đảm: Các phương thức xử lý TSBĐ: Thỏa thuận và tạo điều kiện để khách hàng tự bán

TSBĐ để thu hồi nợ xấu; đơn phương bán TSBĐ hoặc ủy quyền cho bên thứ ba bán TSBĐ đó để thu hồi nợ xấu; ngân hàng nhận trực tiếp chính TSBĐ để khai thác sử dụng.

- Nguồn tài trợ từ nguồn đền bù của nhà kinh doanh rủi ro, công ty bảo hiểm. Tại Chi nhánh đã có hai khách hàng được Công ty bảo hiểm bồi thường tiền sửa chữa xe ô tô do gặp tai nạn trên đường.

2.2.6. Các biện pháp khác liên quan đến kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay

a. Tổ chức và đào tạo nhân sự

Tại Chi nhánh nhân sự vẫn còn thiếu ở các Phòng KHDN và KHCN cũng như ở một số PGD. Các cán bộ có kinh nghiệm trong công tác thì lại điều chuyển sang bộ phận khác. Các cán bộ hiện tại còn khá trẻ nên kinh nghiệm thực tế chưa nhiều. Vì vậy Chi nhánh thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

Ngoài những buổi tự tổ chức học tập vào chiều thứ bảy, Chi nhánh còn tham gia các buổi học tập khác do Hội sở tổ chức như buổi “Đổi thoại thành công” tổ chức vào sáng thứ tư hàng tuần vv...

b. Tổ chức và khai thác nguồn thông tin

Hiện nay, thông tin phục vụ công tác tín dụng tại Chi nhánh thường ở dạng thô mà chưa được xử lý, đánh giá, sàng lọc, các thông tin từ nguồn chính thức là các cơ quan chức năng chưa được khai thác phục vụ cho công tác thẩm định và quyết định tín dụng. Thông tin về lịch sử quan hệ với Vietinbank chưa được lưu trữ và xếp loại để làm thông tin tham khảo cho công tác thẩm định tín dụng.

c. Quản lý hồ sơ tín dụng trên chương trình hiện đại, nhiều tiện ích

Hiện nay, Chi nhánh đang sử dụng ứng dụng ECM với

chương trình quản lý hồ sơ tín dụng điện tử. ECM với khả năng điện tử hóa, tự động hóa các quy trình xử lý hồ sơ đảm bảo giảm thời gian luân chuyển chứng từ, chuẩn hóa tài liệu đầu vào và cập nhật quản lý hồ sơ.

2.2.7. Kiểm soát tuân thủ đối với công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh

- Hàng ngày, sau mỗi phát sinh giao dịch giải ngân thì chứng từ gồm các hóa đơn liên quan phải được chuyển cho bộ phận KTKSNB để bộ phận này thực hiện kiểm soát sau.

- Bên cạnh đó, việc nhập xuất TSBĐ từ kho của Chi nhánh đều phải có sự chứng kiến của cán bộ KTKSNB đối với việc dán niêm, xé niêm.

- Ngoài ra, định kỳ bộ phận KTKTNB khu vực về kiểm tra theo chuyên đề nhằm kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy định của Vietinbank, của NHNN.

2.2.8. Kết quả đạt được trong kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh

a. Cơ cấu nhóm nợ theo mức độ rủi ro

Bảng 2.10: Phân loại chất lượng nợ Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn năm 2011-2013

Chỉ tiêu	31/12/2011		31/12/2012		31/12/2013	
	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng dư nợ	1.025.721		1.131.797		1.242.476	
Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	987.067	96,23	1.107.313	97,83	1.215.237	97,81
Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	-	-	-	-	-	-

Nợ nhóm 3 (Nợ xấu)	38.604	3,76	24.017	2,12	22.171	1,78
Nợ nhóm 4 (Nợ nghi ngờ)	-	-	417	0,04	4.414	0,36
Nợ nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)	50	0,01	50	0,01	654	0,05

*Nguồn: Báo cáo phân loại nợ, Phòng Tổng hợp Chi nhánh Vietinbank
Ngũ Hành Sơn 2011 - 2013*

Qua bảng 2.10 cho thấy Chi nhánh đã có những nỗ lực nhất định trong việc kiểm soát chất lượng nợ, không để phát sinh thêm nợ nhóm 2. Nợ xấu tại Chi nhánh chủ yếu là nợ nhóm 3, tuy nhiên sang năm 2012 và 2013 thì đã có phát sinh nhóm nợ cao hơn. Trong năm 2013, món vay chuyển nhóm nợ cao hơn là của một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến và thương mại, và một công ty trong lĩnh vực xây dựng với dư nợ là 22 tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn một món nợ xấu số tiền 50 triệu đồng (nợ nhóm 5) là của KHCN.

b. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ

Xem xét bảng 2.11 (trang sau) ta thấy tỷ lệ nợ xấu của Chi nhánh năm 2012 có giảm 1,61% so với năm 2011, và năm 2013 có tăng nhẹ 0,03% so với năm 2012. Trong đó, năm 2013 tỷ lệ nợ xấu KHCN tăng 1,09% so với năm 2012. Trong năm 2013, với những khó khăn nhất định của hệ thống ngân hàng thì với mức tăng tỷ lệ nợ xấu 0,03% so với năm 2012 cho thấy Chi nhánh cũng đã kiểm soát được rủi ro ở mức độ nhất định. Chi nhánh đạt được mục tiêu tăng trưởng dư nợ và không chế được mức tăng tỷ lệ nợ xấu nhỏ hơn 3% theo mục tiêu đã đề ra.

**Bảng 2.11: Tình hình nợ xấu trong cho vay tại Chi nhánh
Vietinbank Ngũ Hành Sơn năm 2011 -2013**

Đơn vị tính: triệu đồng

Toàn bộ KH	Năm			So sánh 2012/2011	So sánh 2013/2012
	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013		
Tổng dư nợ	1.025.721	1.131.797	1.242.476	106.076	110.679
Nợ xấu	38.654	24.484	27.239	-14.170	2.755
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3,77	2,16	2,19	-1,61	0,03
1. Trong đó KHDN					
Tổng dư nợ	884.981	969.583	1.043.082	84.602	73.499
Nợ xấu	38.604	24.404	24.977	-14.200	573
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4,36	2,52	2,39	-1,85	-0,12
2. KHCN					
Tổng dư nợ	140.741	162.214	199.394	21.473	37.180
Nợ xấu	50	80	2.262	30	2.182
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,04	0,05	1,13	0,01	1,09

Nguồn: Phòng Tổng hợp Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn 2011-2013

c. Nợ xấu phát sinh tăng, nợ xấu phát sinh giảm trong kỳ

Bảng 2.12: Tình hình nợ xấu phát sinh tăng, giảm năm 2011 – 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	2011	2012	2013
Dư nợ đầu kỳ	942.386	1.025.721	1.131.797
Nợ xấu phát sinh tăng	12.098	6.092	5.312
Nợ xấu phát sinh giảm	3.253	20.262	2.557
- Trong đó giảm do thu nợ KH	3.252	8.261	2.556
- Giảm do chuyển nhóm nợ	0	12.000	0
- Giảm do XLRR	0,80	0,70	0,90

Nguồn: Báo cáo thương niên Vietinbank Ngũ Hành Sơn 2012-2013

Qua bảng 2.12 cho thấy nợ xấu phát sinh trong năm 2011 là khá cao, tuy nhiên trong năm 2012 và 2013 tình hình nợ xấu phát sinh tăng của Chi nhánh đã được cải thiện.

d. Tỷ lệ dự phòng xử lý rủi ro trên tổng dư nợ

Bảng 2.13: Dự phòng rủi ro Chi nhánh 2011-2013

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
1. Dư nợ	Triệu đồng	1.025.721	1.131.797	1.242.476
2. Dự phòng XLRR cuối năm	Triệu đồng	9.469	9.521	12.315
a. Dự phòng chung	Triệu đồng	7.693	8.488	9.319
b. Dự phòng cụ thể	Triệu đồng	1.776	1.033	2.996
3. Tỷ lệ DPXLRR /tổng dư nợ	%	0,92	0,84	0,99
4. Tỷ lệ DPRR cụ thể/tổng dư nợ	%	0,17	0,09	0,24
5. Xóa nợ rỗng	Triệu đồng	785	685	593
6. Tỷ lệ xóa nợ rỗng/tổng dư nợ	%	0,08	0,06	0,05

Nguồn: Báo cáo trích lập DPRR Vietinbank Ngũ Hành Sơn 2011 - 2013

Qua bảng số liệu trên cho thấy mức trích lập dự phòng rủi ro năm 2013 tăng, mức tăng này chủ yếu là do nợ nhóm 3 của năm 2011 sang nhóm nợ cao hơn trong năm 2012 và 2013.

e. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trên tổng dư nợ

Qua bảng số liệu 2.13 cho thấy tỷ lệ xóa nợ rỗng qua các năm giảm dần. Năm 2012 giảm 0,02% so với 2011, và năm 2013 giảm 0,01% so với 2012. Điều này cho thấy tổn thất thực tế trong cho vay của Chi nhánh cũng giảm dần qua các năm. Trong năm 2013 Chi nhánh đã thu hồi được 1,2 tỷ đồng nợ đã XLRR, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra từ đầu năm, góp phần làm cho tỷ lệ nợ xóa rỗng trên tổng dư nợ giảm. Như vậy Chi nhánh đạt được kết quả nhất định trong việc thu hồi nợ.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI CHI NHÁNH

2.3.1. Những mặt thành công

- Tổ chức bộ máy tín dụng đang từng bước tuân theo nguyên tắc quản trị rủi ro, công tác xếp hạng tín dụng, thẩm định hồ sơ, quy trình cho vay, giám sát trong và sau khi cho vay, các biện pháp bảo đảm tiền vay, công tác thu hồi nợ xấu, trích lập DPRR và sử dụng DPRR để bù đắp rủi ro nhìn chung đã chấp hành đúng theo quy định của Vietinbank.

- Chất lượng nợ của Chi nhánh tuy có phát sinh thêm nợ xấu nhưng cũng ở chừng mực nhất định, đạt tỷ lệ thấp so với toàn hệ thống nói riêng và toàn ngành ngân hàng nói chung.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

a. Hạn chế

- Tính đa dạng hóa trong đầu tư tín dụng còn thấp.
- Việc đánh giá tình trạng sức khỏe của khách hàng qua công tác XHTDNB chưa đáp ứng được yêu cầu sản lọc khách hàng.
- Kết quả thẩm định tín dụng dựa vào các số liệu mà khách hàng cung cấp, ít đối chiếu lại so với thực tế của khách hàng. Việc phân tích, thẩm định tình hình tài chính của khách hàng thường đi vào lối mòn.
- Quy trình cho vay, các mẫu báo cáo thẩm định hướng dẫn chưa đầy đủ, chưa xây dựng theo hướng khách hàng, đối tượng cụ thể.
- Công tác kiểm tra sau khi cho vay còn mang tính hình thức.
- Nội dung hợp đồng tín dụng chưa được kiểm soát chặt chẽ.
- Bảo hiểm tín dụng chưa được quy định đối tượng mua rộng rãi
- Đối với công tác quản lý nợ xấu, hiện nay chưa có bộ phận

nào quản lý và chủ yếu do CBTD theo dõi, đòi nợ.

- Nguồn tài trợ RRTD chưa thực hiện từ nguồn bên ngoài như bán nợ.

- Việc thanh lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ xấu còn chậm.

b. Nguyên nhân

b1. Nguyên nhân bên trong ngân hàng

- Chi nhánh chưa có chiến lược để thu hút KHDN

- Công tác XHTDNB còn phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người chấm. Thông tin đầu vào cho việc chấm điểm xếp hạng tín dụng chưa chuẩn. Công tác xếp hạng còn làm theo hình thức để hoàn thiện hồ sơ. Chưa sử dụng kết quả xếp hạng để phân chia nhóm nợ.

- Công tác thẩm định chủ yếu tập trung thông tin từ nguồn do khách hàng cung cấp.

- CBTD đôi lúc chủ quan dựa vào TSBĐ.

- Sự xuất hiện ngày càng nhiều các chi nhánh ngân hàng, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và áp lực tăng trưởng dư nợ đã làm cho Chi nhánh có những kẽ hở trong việc lựa chọn khách hàng vay vốn.

- Việc giám sát tín dụng chủ yếu tập trung vào từng khoản tín dụng mà chưa có hệ thống theo dõi cơ cấu và chất lượng tổng thể danh mục đầu tư tín dụng. Việc quản lý, đo lường và theo dõi tín dụng chủ yếu vẫn thực hiện thủ công.

- Chưa có sự khuyến khích hay ràng buộc CBTD trong việc tư vấn, bán chéo sản phẩm tín dụng cho khách hàng như: Bảo hiểm kèm theo, dịch vụ tiền gửi, ATM vv...

- Hạn chế về chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của CBTD.

- Phẩm chất đạo đức của một số nhân viên không tốt.

b2. Nguyên nhân bên ngoài ngân hàng

- Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng.
- Môi trường cung cấp thông tin chưa công khai, minh bạch.
- Nhiều khách hàng thực tế năng lực tài chính chưa đủ mạnh, công nghệ thấp, trình độ quản lý cũng hạn chế nên lúng túng, không có khả năng chống đỡ khi môi trường kinh doanh khó khăn.
- Môi trường pháp lý chưa thuận lợi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI CHI NHÁNH VIETINBANK NGŨ HÀNH SƠN

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng hoạt động tín dụng của Vietinbank

3.1.2. Định hướng hoạt động tín dụng của Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn

3.1.3. Định hướng hoàn thiện kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY TẠI CHI NHÁNH VIETINBANK NGŨ HÀNH SƠN

3.2.1. Thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc phân tán rủi ro trong quản lý danh mục cho vay

Chi nhánh có thể phân tán rủi ro theo vùng, theo ngành nghề vv... Các hình thức phân tán rủi ro bao gồm:

- Phân tán rủi ro bằng cách đa dạng hóa danh mục cho vay, không nên tập trung tín dụng cho một ngành, một lĩnh vực hay khu vực.

- Đa dạng hóa về phương thức cho vay như cho vay hợp vốn, cho vay đồng tài trợ.

- Đa dạng hóa sản phẩm tín dụng.

3.2.2. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay

Các nội dung của kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay gồm:

- Kiểm tra trước khi cho vay: CBTD cần kiểm tra kỹ các điều kiện vay vốn của khách hàng, thu thập đầy đủ thông tin vì đây là cơ sở để ra quyết định cấp hay không cấp tín dụng.

- Kiểm tra trong khi cho vay: CBTD phải kiểm soát kỹ các chứng từ như hợp đồng mua bán; bảng kê các khoản chi theo chi tiết kế hoạch, chi phí; biên bản nghiệm thu. Hóa đơn phải kiểm tra bản gốc, trường hợp xuất đơn sau khi thanh toán phải có cam kết bổ sung trong thời hạn nhất định.

Việc phê duyệt giải ngân phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ, tránh việc làm tắt, giải ngân trước cho khách hàng, hoàn thiện hồ sơ sau.

- Kiểm tra sau khi cho vay: Có kế hoạch kiểm tra, khảo sát khách hàng để nắm bắt tình hình sử dụng vốn vay. CBTD cần chấp hành nghiêm chỉnh thời gian quy định về kiểm tra sử dụng vốn vay.

Bên cạnh đó bộ phận KTKSNB cũng cần thực hiện vai trò của mình trong việc kiểm tra độc lập các hồ sơ, chứng từ vay vốn, mục đích vay vốn để có những nhắc nhở cảnh báo sớm cho Chi nhánh.

3.2.3. Thực hiện tốt công tác bảo đảm tiền vay

- Cần nâng cao chất lượng bảo đảm tín dụng bằng hình thức thế chấp, cầm cố.

- CBTD cần có kế hoạch kiểm tra các TSBĐ hàng quý hoặc khi có dấu hiệu rủi ro, hoặc khi TSBĐ giảm giá.

- CBTD cũng phải nắm kiến thức về cầm cố thế chấp để tự bảo vệ cho mình trong trường hợp thuộc hạn mức thẩm định tại Chi nhánh.

- Để đảm bảo tính thanh khoản cho những TSBĐ thì CBTD cũng cần lưu ý rằng không nên chọn những tài sản quá lớn, những công trình đang xây dựng dở dang, vì khi phát mại sẽ rất khó tìm được người mua.

3.2.4. Mở rộng đối tượng vay bắt buộc mua bảo hiểm

Đưa ra các quy định như: đối với những khách hàng vay tiêu dùng từ 60 tuổi trở lên thì bắt buộc phải mua bảo hiểm nhân thọ. Hay đối với cho vay hỗ trợ nhà ở từ gói tín dụng 30.000 tỷ đồng của Chính phủ, Chi nhánh cần bắt buộc đối tượng vay này phải mua bảo hiểm tín dụng cho căn hộ được mua từ chính vốn vay của ngân hàng.

Đối với KHDN, thì đã có sản phẩm: Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, một công cụ hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp xuất khẩu trước rủi ro thương mại của nhà nhập khẩu như: mất khả năng thanh toán nợ, phá sản, chậm thanh toán và một số rủi ro thương mại nhất định.

- Chi nhánh cần đào tạo cho CBTD, giao dịch viên tại Chi nhánh trở thành những đại lý bảo hiểm để có thể truyền tải đến khách hàng những thông điệp lợi ích đối với việc mua bảo hiểm.

3.2.5. Duy trì mối quan hệ bền vững với khách hàng

Việc xây dựng mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng được thực hiện trên cơ sở:

- Đánh giá đúng về tình hình sức khỏe của khách hàng.
- Tư vấn, giúp đỡ khách hàng tháo gỡ khó khăn.
- Cần áp dụng lãi suất cho vay thích hợp.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ khách hàng, nhằm tăng thêm uy tín của Chi nhánh, thu hút thêm nhiều

khách hàng tìm đến như một người bạn đáng tin cậy.

3.2.6. Thành lập tổ thu hồi nợ thực hiện thu hồi nợ xấu

Chi nhánh nên thành lập một tổ thu hồi nợ xấu. Tổ này sẽ có 3 thành viên gồm: Phó Giám đốc phụ trách tín dụng làm tổ trưởng, một trưởng hoặc phó lãnh đạo phòng và một cán bộ xử lý nợ quá hạn.

Tổ thu hồi xử lý nợ xấu phải xây dựng một chương trình cụ thể trong việc xử lý nợ xấu. Chương trình thu hồi nợ xấu gồm các bước:

- Tiếp xúc với khách hàng;
- Đánh giá tình hình SXKD của khách hàng, khả năng trả nợ;
- Áp dụng các biện pháp phân luồng thu nợ và xử lý nợ;
- Tổ thu hồi nợ xấu còn đưa ra chính sách tín dụng phù hợp

cũng như có biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả hơn.

3.2.7. Thực hiện phân loại nợ chính xác

Tổ thu hồi nợ cần theo dõi và kiểm tra việc chiết xuất kết quả phân loại nợ từ chương trình Issap được kết nối với hệ thống Incas đã chuẩn xác chưa, nhằm tạo cơ sở dữ liệu đầu vào chính xác, làm căn cứ số liệu để lập quỹ dự phòng, và sử dụng dự phòng nếu rủi ro xảy ra.

3.2.8. Đẩy nhanh việc thi hành án, xử lý bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ

Tổ thu hồi nợ xấu sẽ chịu trách nhiệm liên hệ với các cơ quan, bộ phận liên quan để đẩy nhanh việc bán tài sản bảo đảm thu hồi nợ. Bên cạnh đó, tổ này còn tích cực làm văn bản nội bộ gửi cho các Chi nhánh trong hệ thống Vietinbank thông báo về việc Chi nhánh đang tổ chức đấu giá TSBD để xử lý nợ.

3.2.9. Nâng cao trình độ cán bộ về nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp

- Nâng cao phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, nâng cao trình

độ chuyên môn công tác đối với CBTD.

- Thường xuyên tổ chức buổi trao đổi, học tập nghiệp vụ qua đó có thể chia sẻ những kinh nghiệm mà mỗi CBTD rút ra trong quá trình tiếp xúc khách hàng hoặc thao tác công việc mà mình đã gặp phải.

- Cần đào tạo cho CBTD kỹ năng tiếp cận, phân tích thông tin.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ nhằm hạn chế những tiêu cực do mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

- Có chính sách khen thưởng và kỷ luật hợp lý.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Vietinbank

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước

3.3.3. Kiến nghị với Chính phủ

KẾT LUẬN

Những năm qua, nền kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, rất nhiều doanh nghiệp phải phá sản, giải thể. Và hệ quả tất yếu dẫn đến đó là các NHTM đang có nguy cơ phải đối mặt với nhiều rủi ro, trong đó có rủi ro tín dụng. Một rủi ro làm giảm lợi nhuận đối với NHTM, vì lợi nhuận từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng cao so với các hoạt động khác. Và nguyên nhân của RRTD thì lại chịu sự tác động của nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy kiểm soát và tài trợ RRTD trong cho vay trở thành là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản trị của các NHTM.

Mặc dù Vietinbank luôn có những chính sách nhằm thay đổi mô hình tín dụng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng tín dụng, kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, mô hình đưa ra và triển khai thực tế đã không đáp ứng được mong muốn của Ban lãnh đạo trong việc kiểm soát RRTD. Vì vậy có thể thấy công tác kiểm soát RRTD trong cho vay của Vietinbank nói chung và tại Chi nhánh nói riêng còn nhiều hạn chế. Trong thời gian đến, Chi nhánh dưới sự chỉ đạo của Vietinbank cần hoàn thiện các mô hình, các biện pháp thực hiện tốt công tác kiểm soát cũng như tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay.

Những giải pháp trong luận văn hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ trong việc tạo môi trường tín dụng an toàn, hiệu quả, chất lượng, nhằm tiếp tục tạo uy tín và thương hiệu cho Chi nhánh Vietinbank Ngũ Hành Sơn là Chi nhánh hoạt động vì chất lượng và vì sự tăng trưởng trong hệ thống Vietinbank cũng như trong hệ thống các ngân hàng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.